

Bản án số: 632/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 20 – 8 – 2024  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Thắng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đoàn Văn Rỹ.

2. Bà Thái Thục Hiền.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Hiền.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 470/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 223/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 162/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16/8/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Mai Thị T**, sinh năm 1991.

*Địa chỉ:* **B Chung cư T, Số A đường A, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.** (có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Tấn P**, sinh năm 1986.

*Địa chỉ:* **B Chung cư T, Số A đường A, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.** (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Nguyên đơn bà **Mai Thị T** trình bày:*

Bà **Mai Thị T** và ông **Trần Tấn P** đăng ký kết hôn vào năm 2011 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 172, quyển số 02/2011, đăng ký ngày 09/09/2011 tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn ông

bà sinh sống tại địa chỉ: B Chung cư T, Số A đường A, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hai vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống khác biệt, cuộc sống vợ chồng không hợp nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2022 đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Mai Thị T nộp đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Trần Tấn P.

- Về con chung: Bà Mai Thị T và ông Trần Tấn P có một con chung là Trần Triều D (giới tính: nam; sinh ngày 09/01/2019). Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Việc cấp dưỡng cho con các bên tự thỏa thuận.

- Về tài sản chung: Bà T xác nhận không có. Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T xác nhận không có. Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bà T cam kết việc ly hôn của bà và ông P không nhằm trốn tránh bất kỳ nghĩa vụ nào và bà chỉ nộp đơn khởi kiện ly hôn tại Toà án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Tại bản tự khai, Bị đơn ông Trần Tấn P trình bày:*

Ông P thống nhất lời trình bày của bà T về tình trạng hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông P thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 9 năm 2022 như bà T trình bày, tuy nhiên, ông P còn tình cảm với bà T và vì để các con có gia đình đầy đủ, ông muốn đoàn tụ gia đình, không đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông bà có một con chung là Trần Triều D (giới tính: nam; sinh ngày 09/01/2019). Trường hợp ly hôn, ông P đồng ý giao con chung cho bà Mai Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng cho con các bên tự thỏa thuận.

- Về tài sản chung: Ông P xác nhận không có. Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông P xác nhận không có.

Tại phiên toà sơ thẩm,

- Nguyên đơn bà Mai Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn ông **Trần Tấn P** vắng mặt.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

+ Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Mai Thị T**, cụ thể:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà **Mai Thị T** về việc ly hôn với ông **Trần Tấn P**.

+ Về con chung: Giao con chung **Trần Triều D** (giới tính: nam; sinh ngày 09/01/2019) cho bà **Mai Thị T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng cho con các bên tự thỏa thuận.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà **T** và ông **P** đều xác nhận không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà **Mai Thị T** đã cung cấp đầy đủ lời khai cùng các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông **Trần Tấn P** đã cung cấp đầy đủ lời khai cùng các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Ông **Trần Tấn P** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng.

Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà **Mai Thị T** nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông **Trần Tấn P**, đây là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn là ông **Trần Tấn P** cư trú tại **Quận H** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà **Mai Thị T** và ông **Trần Tấn P** tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 172, quyển số 02/2011 ngày 09 tháng 9 năm 2011. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Căn cứ lời khai của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nhận thấy giữa bà **Mai Thị T** và ông **Trần Tấn P** chỉ ràng buộc về mặt pháp lý, cả hai không còn tình cảm với nhau, đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2022 đến nay, quan hệ hôn nhân không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Ông **P** xác nhận sau khi chung sống một thời gian vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do quan điểm sống trái ngược, tuy nhiên ông **P** không đồng ý ly hôn với bà **T** vì để các con có gia đình đầy đủ, ông muốn đoàn tụ gia đình, không đồng ý ly hôn với bà **T**. Mặc dù ông **P** đã cố gắng hàn gắn mâu thuẫn gia đình nhưng bà **T** cho rằng, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng không thể tiếp tục, vì vậy bà cương quyết ly hôn với ông **P**. Hội đồng xét xử nhận thấy rằng đời sống hôn nhân giữa bà **T** và ông **P** không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà **T** với ông **P** là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3.2] Về con chung:

Căn cứ Giấy khai sinh số 30/2019 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/01/2019 cùng lời khai của nguyên đơn, bị đơn có cơ sở xác định bà **Mai Thị T** và ông **Trần Tấn P** có một con chung là **Trần Triều D** (giới tính: nam; sinh ngày 09/01/2019).

Theo lời trình bày của bà **T**, từ thời điểm sống ly thân đến nay, bà **T** là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, hiện tại bà và trẻ **D** sinh sống tại địa chỉ **căn hộ B Chung cư T, Số A đường A, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh**.

Ông P trình bày trong trường hợp ly hôn, ông đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của bà T phù hợp với ý chí của các bên, phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đảm bảo quyền lợi của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Mai Thị T và ông Trần Tấn P xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Tại phiên tòa, ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Mai Thị T phải chịu theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 và 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014),

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Thanh ly h với ông Trần Tấn P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 172, quyển số 02/2011 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09 tháng 9 năm 2011.

1.2. Về con chung:

Sau khi ly hôn, giao con chung Trần Triều D (giới tính: nam; sinh ngày 09/01/2019) cho bà Mai Thị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng cho con hai bên tự thoả thuận.

Ông **Trần Tấn P** có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con. Nếu có yêu cầu các đương sự sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà **Mai Thị T** và ông **Trần Tấn P** xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, bà **Mai Thị T** phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0030063 ngày 27/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà **Mai Thị T** đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Bà **Mai Thị T**, ông **Trần Tấn P** có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 8, TP.HCM;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Xuân Thắng**